TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2025/DS-ST
Ngày 06 - 5 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Phượng;

Ông Phạm Văn Cảnh.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Vương Hoàng Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 404/2024/TLST-DS ngày 06/11/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-DS ngày 01/4/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp I, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Tiêu Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- *Người làm chứng*: Bà Nguyễn Hạnh P, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ngày 01/01/2024, bà L đến nhà hỏi vay ông số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, bà L đóng lãi tháng 02 cho ông được 5.000.000 đồng. Đến ngày 11/3/2024, bà L đến nhà ông hỏi vay thêm 100.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng bà L sẽ thanh toán hết cho ông cả 200.000.000 đồng của lần vay trước và cùng với lãi suất. Ông tin tưởng bà L nên đã cho bà L vay thêm 100.000.000 đồng vào ngày 11/3/2024. Sau đó 01 tháng thì bà L thanh toán cho ông được 5.000.000 đồng tiền lãi. Tổng hai lần bà L đưa tiền lãi cho ông là 10.000.000 đồng, giao tiền mặt, không ghi văn bản, không có người làm chứng.

Tổng số tiền bà L vay ông N là 200.000.000 đồng. Từ ngày 11/3/2024 đến nay bà L không thanh toán lãi và gốc cho ông. Đối với 10.000.000 đồng tiền lãi bà L đã thanh toán cho ông được trừ vào lãi suất theo quy định 10%/năm trong khoảng thời gian từ khi bà L vay tiền của ông đến nay. Do nhiều lần yêu cầu bà L thanh toán nợ không được nên ông yêu cầu bà Trần Thị L phải thanh toán cho cho ông 200.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

- Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Trần Thị L trình bày: Trước đây, bà không nhớ rõ thời gian, bà có vay ông N số tiền 50.000.000 đồng nhưng đã trả đủ cho ông N. Từ năm 2021, bà vay tiền của bà Nguyễn Hạnh P nhiều lần, bà P tính lãi suất từ 315%/năm đến 1.440%/năm. Do điều kiện khó khăn, không đủ tiền để trả lãi cho bà P nên bà P yêu cầu bà vay tiền của bà T và ông N, bà P thỏa thuận với ông N, bà T như thế nào bà không biết, sau đó bà P đưa giấy mượn tiền đến cho bà ký tên, lăn tay. Giấy mượn tiền ngày 01/01/2024 và ngày 11/3/2024 giữa ông N và bà L là do bà P đưa đến cho bà ký, lăn tay. Bà đồng ý chữ ký, dấy vân tay tên Trần Thị L tại Giấy mượn tiền ngày 01/01/2024 và ngày 11/3/2024 là do bà ký, viết tên, lăn tay. Giấy mượn tiền khi ký bà không rõ số tiền bao nhiêu, sau đó bà mới biết giấy mượn tiền ngày 01/01/2024, nội dung bà mượn 100.000.000 đồng; giấy mượn tiền ngày 11/3/2024, nội dung bà mượn 100.000.000 đồng. Bà không nhận tiền của bà T, ông N, việc nhận tiền là giữa ông N, bà T, bà P như thế nào bà không biết. Vì vậy, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N, vì bà không nhận tiền của ông N.

- Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành N trình bày: Bà và ông Nguyễn Thành N là vợ chồng, bà có quen biết bà Trần Thị L vì ở cùng địa phương. Ngày 01/01/2024, bà L đến nhà bà hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng. Đến ngày 11/3/2024, bà L đến nhà bà hỏi vay thêm 100.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng bà L sẽ thanh toán hết 200.000.000 đồng của lần vay trước và cùng với lãi suất. Bà tin tưởng bà L nên đồng ý cho bà L vay và đồng ý để ông N ký giấy mượn tiền. Tổng số tiền bà L vay là 200.000.000 đồng. Bà đồng ý ông N đứng đơn khởi kiện bà L số tiền 200.000.000 đồng, đồng ý với trình bày của ông N. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà L phải thanh toán 200.000.000 đồng cho ông N.

- Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Nguyễn Hạnh P trình bày: Bà là em dâu của ông Nguyễn Thành N, chị em bạn dâu với ông Nguyễn Thành N. Bà có quen biết với bà Trần Thị L vì trước đây khi bà L mở tiệm tóc, làm móng thì tôi thường xuyên ghé tiệm của bà L để làm móng, cắt tóc. Ngày 01/01/2024, tại nhà ông N, bà T, bà có mặt chứng kiến bà L đến nhà ông N, bà T vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận với nhau, bà không rõ bao nhiêu. Ông N, bà T, bà L nhờ ghi giấy mượn tiền nên bà ghi và ký tên người làm chứng. Đến ngày 11/3/2024, bà có mặt chứng kiến bà L đến nhà ông N, bà T vay thêm 100.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng bà L sẽ thanh toán hết cả 200.000.000 đồng của lần vay trước và cùng với lãi suất. Ông N, bà T, bà L nhờ ghi giấy mượn tiền nên bà ghi và ký tên người làm chứng.

Với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành N với bà Trần Thị L, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa có ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và của đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ngày 01/01/2024 và ngày 11/3/2024, bị đơn có vay của nguyên đơn 200.000.000 đồng. Từ ngày vay đến nay bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số nợ gốc 200.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy mượn tiền ngày 01/01/2024 và giấy mượn tiền ngày 11/3/2024. Bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyen đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 200.000.000 đồng, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo. Hiện bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Do đó, quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 (hai) để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự xác định nguyên đơn, bị đơn ký kết văn bản ngày 01/01/2024 về việc nguyên đơn cho bị đơn vay 100.000.000 đồng và văn bản ngày 11/3/2024 về việc nguyên đơn cho bị đơn vay 100.000.000 đồng. Bị đơn trình bày từ năm 2021, bị đơn vay tiền bà Nguyễn Hạnh P nhiều lần, bà P tính lãi suất từ 315%/năm đến 1.440%/năm. Sau đó, bị đơn khó khăn, không đủ tiền để trả lãi cho bà P nên bà P hỏi bà vay tiền của nguyên đơn, bà P thỏa thuận với nguyên đơn như thế nào bị đơn không biết, sau đó bà P đưa giấy mượn tiền đến cho bị đơn ký tên, lăn tay. Bị đơn thống nhất chữ ký, chữ viết tên, dấu vân tay Trần Thị L tại giấy mượn tiền

ngày 01/01/2024 và giấy mượn tiền ngày 11/3/2024 là của bị đơn nhưng bị đơn không nhận tiền của nguyên đơn.

[4] Bị đơn cho rằng có tố cáo hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với Nguyễn Hạnh P tại Công an xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Qua xác minh tại Công an xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương xác nhận bà Trần Thị L có trình báo tố giác bà Nguyễn Hạnh P có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tuy nhiên, bà L không cung cấp được tài liệu thể hiện việc cho vay và lãi suất nên không có căn cứ để Công an xã A tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm như đơn tố cáo của bà L. Vì vậy, HĐXX không có căn cứ để xem xét trình bày của bị đơn.

[5] HĐXX xét thấy, nguyên đơn, bị đơn thống nhất có thực hiện hợp đồng vay tài sản với số tiền 200.000.000 đồng. Bị đơn trình bày không vay tiền của nguyên đơn mà giấy mượn tiền ngày 01/01/2024 và giấy mượn tiền ngày 11/3/2024, bị đơn ký tên, lăn tay là để cấn trừ tiền lãi đã vay của bà Nguyễn Hạnh P. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận cấn trừ nợ giữa bị đơn và bà P. Nguyên đơn không đồng ý với trình bày của bị đơn về việc thỏa thuận với bà P cho bị đơn vay để cấn trừ nợ giữa bị đơn và bà P. Do đó, HĐXX không có căn cứ để xem xét với trình bày của bị đơn. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở để xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N đối với bị đơn bà Trần Thị L theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[6] Xét ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 184, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N đối với bị đơn bà Trần Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bị đơn bà Trần Thị L phải thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Thành N số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Trần Thị L phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thành N số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0006513 ngày 31/10 /2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mùi